

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Quy chế đặt và hoạt động của văn**phòng đại diện thường trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 382/HDBT ngày 5-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện thường trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sau khi đã trao đổi ý kiến với các ngành, các địa phương có liên quan và được Hội đồng Bộ trưởng thông qua (công văn số 1060-KTĐN ngày 9-4-1991), Bộ Thương nghiệp hướng dẫn cụ thể về một số điểm trong quy chế để thống nhất như sau:

1. Đối tượng được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:

Tất cả các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài (dưới đây gọi tắt là Bên nước ngoài) có quan hệ với các tổ chức kinh tế, thương mại Việt Nam và các vùng:

Kinh doanh xuất, nhập khẩu hàng hoá;

Đầu tư;

Ngân hàng, tài chính;

Giao thông vận tải và bưu điện;

Hợp tác khoa học kỹ thuật;

Du lịch và dịch vụ nhằm thực hiện các mục đích kinh tế thuộc phạm vi hoạt động và đủ điều kiện quy định tại Quy chế, đều có thể đề nghị cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện thường trú tại Việt Nam.

2. Điều kiện để được cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:**a. Đối với bên nước ngoài, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất, nhập khẩu hàng hoá:**

Đã có quan hệ thương mại với các tổ chức kinh tế Việt Nam được quyền trực tiếp xuất, nhập khẩu trong thời gian không dưới hai năm;

Nhập khẩu hàng của Việt Nam không dưới 2 triệu đôla/năm, trong đó đặc biệt ưu tiên cấp giấy phép đối với bên nước ngoài nhập khẩu các loại hàng Việt Nam khuyến khích xuất khẩu.

Trong một số trường hợp đặc biệt, tuy chưa đủ 2 điều kiện trên, nhưng nếu bên nước ngoài có các căn cứ xác đáng bảo đảm khả năng cũng như từ quan hệ mua bán hàng hoá lâu dài với Việt Nam thì cũng được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện.

b. Đối với bên nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực đầu tư:

Có yêu cầu xúc tiến xây dựng các dự án đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam mà phần vốn pháp định Bên nước ngoài góp vào không dưới 2 triệu đôla, trong đó, ưu tiên xét cấp giấy phép đối với Bên nước ngoài muốn đặt Văn phòng đại diện để xúc tiến xây dựng các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư và hoặc có ý nghĩa đối với nền kinh tế quốc dân và được cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực dự kiến đầu tư ở Việt Nam (Bộ Tài chính, ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương) xác nhận và thời hạn hoạt động của Văn phòng đại diện được quy định không quá 10 năm kể từ ngày đăng ký hợp lệ theo điểm 6 của Thông tư này.

Có giấy phép của Ủy ban Nhà nước về hợp tác đầu tư và đã triển khai thực hiện dự án với số vốn pháp định của Bên nước ngoài góp vào không dưới 10 (năm) triệu đôla.

c. Đối với Bên nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính:

Có yêu cầu xúc tiến các dự án hợp tác về lĩnh vực ngân hàng hoặc tài chính và được Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ tài chính Việt Nam xác nhận hoặc

Có tổ chức tín dụng (kể cả chi nhánh ngân hàng) đã được Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ Tài chính Việt Nam cho phép thành lập theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, hoặc;

Có yêu cầu thực hiện các hợp đồng hợp tác, liên doanh về lĩnh vực ngân hàng, tài chính đã ký với các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam thuộc lĩnh vực ngân hàng, tài chính và được Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ Tài chính Việt Nam chấp thuận.

d. Đối với Bên nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải, bưu điện và hợp tác khoa học kỹ thuật:

Có yêu cầu xúc tiến các dự án hợp tác về lĩnh vực giao thông vận tải, bưu điện hoặc khoa học kỹ thuật được Bộ quản lý Nhà nước về từng lĩnh vực ngành xác nhận hoặc;

Có yêu cầu thực hiện các hợp đồng đã ký với các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam về từng lĩnh vực chuyên ngành và được Bộ quản lý Nhà nước về từng lĩnh vực chuyên ngành đó chấp thuận.

e. Đối với Bên ngoài hoạt động trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ:

Có yêu cầu xúc tiến các dự án hợp tác phát triển du lịch và dịch vụ, trừ dịch vụ chi trả kiều hối, dịch vụ mua gom hàng xuất khẩu và dịch vụ bán hàng xuất khẩu tại Việt Nam, và được Bộ quản lý Nhà nước về từng lĩnh vực chuyên ngành xác nhận, hoặc;

Có yêu cầu thực hiện các hợp đồng đã ký với các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam về từng lĩnh vực và được Bộ quản lý Nhà nước về từng lĩnh vực đó chấp thuận.

3. Trình tự xin cấp giấy phép và cơ quan có thẩm quyền xét cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện:

3.1 - Bên nước ngoài xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện về từng lĩnh vực chuyên ngành tại Việt Nam phải tự làm đơn theo mẫu thống nhất do Bộ Thương nghiệp (mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này) gồm 1 bản chính bằng tiếng Việt nam và 1 bản bằng một trong 3 thứ tiếng Anh, Pháp hoặc tiếng Nhật phải thực hiện theo đúng các quy định của điều 4 và điều 5 Quy chế.

Đơn xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện kèm theo các giấy tờ quy định tại điều 5 Quy chế trong đó, có một số giấy tờ liên quan khác bao gồm: Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết hoặc sẽ ký với các tổ chức kinh tế có thẩm quyền của Việt Nam và Bản tự giới thiệu tóm tắt về Bên nước ngoài kèm theo mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này, (dưới đây gọi tắt là Hồ sơ xin cấp giấy phép) được gửi đến Bộ Thương nghiệp và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là Ủy ban Nhân dân tỉnh) nơi Bên nước ngoài xin đặt trụ sở Văn phòng đại diện.

3.2 - Khi nhận được hồ sơ xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện do Bên nước ngoài gửi đến:

Bộ Thương nghiệp có văn bản hỏi ý kiến các cơ quan có liên quan về từng lĩnh vực chuyên ngành trước khi quyết định cấp hay không cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện.

Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi Bên nước ngoài xin đặt trụ sở Văn phòng đại diện, một mặt thông báo ngay với Bộ Thương nghiệp về việc đã nhận được hồ sơ xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện, mặt khác trên cơ sở xem xét hồ sơ do Bên nước ngoài gửi đến, Ủy ban Nhân dân tỉnh chủ động có ý kiến với Bộ Thương nghiệp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, về tình hình và triển vọng quan hệ kinh tế - thương mại của Bên nước ngoài với địa phương và khả năng cho thuê nhà, thuê công nhân (nếu có) làm việc tại Văn phòng đại diện và các vấn đề khác có liên quan mà Ủy ban Nhân dân tỉnh quan tâm.

3.3 - Trong thời hạn không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Thương nghiệp nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bên nước ngoài được Bộ Thương nghiệp thông báo bằng Văn bản về kết quả của việc xin đặt Văn phòng Đại diện.

4. Giấy phép đặt Văn phòng đại diện và việc nộp lệ phí

4.1 - Giấy phép đặt Văn phòng đại diện (mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này), do Bộ Thương nghiệp cấp cho Bên nước ngoài có quy định phạm vi hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam và chỉ có hiệu lực thực hiện kể từ ngày đăng ký hợp lệ tại Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở.

Riêng đối với Bên nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu hàng hoá, Trưởng văn phòng đại diện được ký hợp đồng mua bán hàng hoá thương mại với các tổ chức kinh tế Việt Nam được quyền trực tiếp xuất, nhập khẩu với tư cách là một bên đương sự trong hợp đồng mua bán ngoại thương theo pháp luật hiện hành của Việt Nam khi có giấy uỷ quyền của Bên nước ngoài và với danh nghĩa là đại diện được uỷ quyền của bên nước ngoài.

4.2 - Bên nước ngoài khi nhận giấy phép đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam phải nộp 1 khoản phí theo Biểu phí do Bộ Thương nghiệp và Bộ Tài chính Việt Nam quy định.

Khoản phí nói trên là lệ phí chính thức mà Nhà nước Việt Nam thu về việc cho phép Bên nước ngoài đặt Văn phòng đại diện và hoạt động tại Việt Nam. Ngoài lệ phí chính thức đó Nhà nước Việt Nam không thu thêm phụ phí nào khác.

4.3 - Văn phòng đại diện chỉ được thực hiện những nhiệm vụ trong phạm vi đã được quy định tại giấy phép. Mọi trường hợp Văn phòng đại diện vi phạm các quy định tại giấy phép đều bị xử lý theo điểm 3 điều 17 Quy chế.

5. Về việc thuê nhà, thuê công dân Việt Nam (nếu có) làm việc tại Văn phòng đại diện:

Việc thuê nhà, thuê công dân Việt Nam (nếu có) làm việc tại Văn phòng đại diện thực hiện theo "Quy chế cho thuê nhà, thuê lao động đối với người nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài lưu trú tại Việt Nam", ban hành kèm theo nghị định số 389-HĐBT ngày 10-11-1990 của Hội

trường và thông tư số 3-TT/LB ngày 8-4-1991 của Liên Bộ Xây dựng - Lao động thương binh và xã hội - Nội vụ - Tài chính hướng dẫn thi hành nói trên.

6. Về việc đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện:

6.1 - Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện, bên nước ngoài phải giải quyết xong các thủ tục thuê nhà, thuê dân Việt Nam (nếu có) theo đúng các quy định hiện hành của Việt Nam, đồng thời phải gửi cho Ủy ban Nhân dân tỉnh bản tóm tắt lý lịch của người trưởng, các nhân viên người nước ngoài và người Việt Nam sẽ làm việc tại Văn phòng đại diện và phải làm thủ tục đăng ký hoạt động với Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở.

6.2 - Quá thời hạn quy định trên, nếu chưa làm xong thủ tục đăng ký hoạt động, Bên nước ngoài phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban Nhân dân tỉnh biết lý do và dự kiến thời gian hoàn thành các thủ tục đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện.

6.3 - Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên nước ngoài nộp hồ sơ đầy đủ xin đăng ký hoạt động theo giấy phép đã cấp, Ủy ban Nhân dân tỉnh ngoài được Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện theo mẫu thống nhất của Bộ Thương nghiệp (mẫu số 3 kèm theo Thông tư này).

6.4 - Sau khi cấp giấy phép đăng ký hoạt động cho Văn phòng đại diện tại Việt Nam; Ủy ban Nhân dân tỉnh gửi 1 bản sao về Bộ Thương nghiệp để theo dõi việc thực hiện.

6.5 - Mọi trường hợp Văn phòng đại diện hoạt động tại Việt Nam không có giấy phép và không đăng ký đều coi là bất hợp pháp và bị xử lý theo hiện hành của Việt Nam.

7. Về việc mở tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ tại Ngân hàng:

Văn phòng đại diện phải mở tài khoản tiền Việt Nam (có gốc ngoại tệ) và tài khoản ngoại tệ (nếu có) tại ngân hàng Việt Nam theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chỉ được sử dụng tài khoản này phục vụ cho hoạt động hành chính của Văn phòng đại diện. Nghiêm cấm việc sử dụng tài khoản trên vào mục đích kinh doanh trái với giấy phép đặt Văn phòng đại diện.

8. Về việc nhập khẩu và tái xuất khẩu các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam không được hưởng quy chế ưu đãi miễn trừ ngoại giao; do đó việc nhập khẩu và tái xuất khẩu các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của Văn phòng đại diện được thực hiện theo điều 8 Nghị định số 131-HĐBT ngày 2/10/1990 của Hội đồng Bộ trưởng, cụ thể là:

Văn phòng đại diện được nhập khẩu vào Việt Nam và tái xuất khẩu khi kết thúc hoạt động tại Việt Nam ô tô và các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của Văn phòng đại diện theo danh mục định lượng tiêu chuẩn đối với cơ quan đại diện ngoại giao ban hành kèm theo Nghị định số 131-HĐBT ngày 2/10/1990 nói trên nhưng phải nộp thuế nhập khẩu và các lệ phí khác theo quy định hiện hành của hải quan Việt Nam.

9. Về việc thay đổi, gia hạn và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện:

9.1 - Việc thay đổi tên, trụ sở Văn phòng đại diện:

Sau khi được cấp giấy phép hoặc trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, Bên nước ngoài muốn thay đổi tên Văn phòng đại diện (trong trường hợp Bên nước ngoài thay đổi tên gọi), thay đổi nơi (tỉnh, thành phố) đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh của Văn phòng đại diện hoặc muốn kéo dài thời hạn hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam, Bên nước ngoài phải báo cáo bằng văn bản với Bộ Thương nghiệp và Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi đóng trụ sở ngay và chỉ được thay đổi tên, thay đổi nơi (tỉnh, thành phố) đặt trụ sở hoặc kéo dài thời hạn hoạt động khi có văn bản chấp nhận của Bộ Thương nghiệp và Ủy ban Nhân dân tỉnh.

9.2 - Việc thay đổi người đại diện và nhân viên người nước ngoài:

Sau khi đã đăng ký hoặc động hoặc trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, Bên nước ngoài muốn thay đổi người đại diện trưởng hoặc nhân viên người nước ngoài kể cả người Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện theo số lượng quy định trong giấy phép, Bên nước ngoài phải báo cáo với Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi đóng trụ sở, và chỉ được thay đổi khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9.3 - Việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện:

Trong các trường hợp chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện theo quy định của điều 17 quy chế. Bộ Thương nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có văn bản thông báo cho Bên nước ngoài 30 ngày trước khi chấm dứt hoạt động.

Riêng đối với các trường hợp văn phòng đại diện vi phạm giấy phép và giấy đăng ký hoạt động, tùy theo lỗi nhẹ hoặc nặng, Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở có thể lưu ý, khiển trách, cảnh cáo, phạt tiền hoặc trục xuất người vi phạm ra khỏi Việt Nam hoặc kiến nghị Bộ Thương nghiệp ra quyết định chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam.